



Tạp chí điện tử
Khoa học và Công nghệ Giao thông
Trang website: <https://jstt.vn/index.php/vn>



Current status and Readiness of the Journal of Medical Research for Web of Science and Scopus Indexing

Article info

Type of article:

Scientific information

DOI:

<https://doi.org/10.58845/jstt.utt.2026.vn.6.6.173-181>

*Corresponding author:

Email address:

kimbaogiang@hmu.edu.vn

Received: 12/08/2026

Received in Revised Form:
25/08/2026

Accepted: 09/09/2026

Tran Huy Thinh, Nguyen Thanh Binh, Hoang Yen, Nguyen Khac Huong, Phan Thi Thu Huong, Nguyen Huu Tu, Kim Bao Giang*

Hanoi Medical University, No.1 Ton That Tung Street, Kim Lien Ward, Hanoi, Vietnam

Abstract: Objective: To assess the current status and readiness of the Journal of Medical Research for international indexing in Web of Science and Scopus, identify priority gaps, and propose quality-improvement directions. Methods: A descriptive analytical case study was conducted using document analysis, editorial audit, and benchmarking against official Web of Science and Scopus journal-selection criteria. Results: The journal maintains 12 issues per year, including two fully English-language issues; the annual manuscript rejection rate is approximately 15–20%, the usual peer-review time is 2 weeks to 1 month, and about 25% of authors are affiliated outside Hanoi Medical University. The journal operates an online submission system, applies blinded review by two experts, assigns DOI identifiers, and uses similarity checking. Major gaps relate to internationalization, selectivity and scientific quality of submissions, publishing-data standardization, citation impact, and academic positioning. Conclusion: The journal has established important technical and editorial foundations, but future development should shift from meeting technical requirements toward strengthening scientific quality, internationalization, data-driven governance, and scholarly impact.

Keywords: Journal of Medical Research, Scopus, Web of Science, scientific publishing, benchmarking, international indexing.



Thực trạng và mức độ sẵn sàng hội nhập Web of Science và Scopus của Tạp chí Nghiên cứu Y học

Thông tin bài viết

Dạng bài viết:

Thông tin khoa học

DOI:

<https://doi.org/10.58845/jstt.utt.2026.vn.6.6.173-181>

*Tác giả liên hệ:

Địa chỉ Email:

kimbaogiang@hmu.edu.vn

Ngày nộp bài: 12/08/2026

Ngày nộp bài sửa: 25/08/2026

Ngày chấp nhận: 09/09/2026

Trần Huy Thịnh, Nguyễn Thanh Bình, Hoàng Yến, Nguyễn Khắc Hường, Phan Thị Thu Hương, Nguyễn Hữu Tú, Kim Bảo Giang*

Trường Đại học Y Hà Nội, số 1 đường Tôn Thất Tùng, phường Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt: Mục tiêu: Đánh giá thực trạng và mức độ sẵn sàng hội nhập của Tạp chí Nghiên cứu Y học với Web of Science và Scopus, xác định các khoảng cách ưu tiên và đề xuất định hướng nâng cao chất lượng. Phương pháp: Nghiên cứu trường hợp mô tả – phân tích, kết hợp phân tích tài liệu, đánh giá hoạt động xuất bản và đối sánh với tiêu chí chính thức của Web of Science và Scopus. Kết quả: Tạp chí duy trì 12 số/năm, trong đó 2 số hoàn toàn bằng tiếng Anh; tỷ lệ từ chối bản thảo khoảng 15–20%, thời gian phản biện 2 tuần–1 tháng và khoảng 25% tác giả thuộc các đơn vị ngoài Đại học Y Hà Nội và đã có hệ thống xuất bản trực tuyến, phản biện kín bởi hai chuyên gia, DOI và kiểm soát trùng lặp. Khoảng cách chủ yếu tập trung ở quốc tế hóa, chất lượng và tính chọn lọc nguồn bài, chuẩn hóa dữ liệu xuất bản, ảnh hưởng trích dẫn và định vị bản sắc học thuật. Kết luận: Tạp chí đã có những nền tảng quan trọng nhưng cần chuyển trọng tâm từ đáp ứng điều kiện kỹ thuật sang nâng cao chất lượng học thuật, quốc tế hóa và ảnh hưởng khoa học.

Từ khóa: Tạp chí Nghiên cứu Y học, Scopus, Web of Science, xuất bản khoa học, benchmarking, hội nhập quốc tế.

1. Giới thiệu

Trong nền khoa học hiện đại, hoạt động nghiên cứu không chỉ được đánh giá thông qua số lượng công trình được công bố mà ngày càng chú trọng đến chất lượng, khả năng lan tỏa, mức độ được sử dụng và đóng góp của kết quả nghiên cứu đối với sự phát triển của tri thức. Tạp chí khoa học, do đó, không đơn thuần là nơi công bố kết quả nghiên cứu mà còn là một thiết chế học thuật thực hiện chức năng kiểm định thông qua phản biện, lưu trữ và phổ biến tri thức, tạo lập diễn đàn trao đổi giữa các nhà khoa học và góp phần xác lập mức độ ưu tiên của các phát hiện khoa học [1, 2]. Trong lĩnh vực y sinh, vai trò này càng trở nên quan trọng

bởi chất lượng của các bằng chứng được công bố có thể tác động trực tiếp đến đào tạo, thực hành lâm sàng, dự phòng bệnh và hoạch định chính sách y tế.

Đối với các trường đại học định hướng nghiên cứu, chất lượng hệ thống công bố khoa học có mối liên hệ chặt chẽ với năng lực nghiên cứu, vị thế học thuật và mức độ hội nhập quốc tế. Các cơ sở dữ liệu trích dẫn như Web of Science (WoS) và Scopus không chỉ tạo lập hạ tầng tìm kiếm và liên kết tri thức mà còn được sử dụng rộng rãi trong đánh giá nghiên cứu và phân tích ảnh hưởng khoa học [3]. Việc một tạp chí được lựa chọn vào các hệ thống này vì vậy không nên chỉ được nhìn nhận

như đạt được một danh mục chỉ mục, mà còn phản ánh kết quả của quá trình nâng cao chất lượng học thuật, chuyên nghiệp hóa biên tập – xuất bản và xây dựng ảnh hưởng trong cộng đồng khoa học.

Đối với các tạp chí y sinh, yêu cầu về chất lượng còn gắn chặt với đạo đức nghiên cứu, tính minh bạch, trách nhiệm tác giả và kiểm soát xung đột lợi ích. Các khuyến nghị của International Committee of Medical Journal Editors (ICMJE) nhấn mạnh những yêu cầu này như một bộ phận không thể tách rời của công bố y học có trách nhiệm [4]. Bên cạnh đó, Scopus yêu cầu tạp chí trước khi bước vào đánh giá phải có phản biện, ISSN hợp lệ, lịch sử và tính đều đặn xuất bản, tiêu đề và tóm tắt tiếng Anh, cùng chính sách đạo đức xuất bản được công khai; sau đó tiếp tục đánh giá chính sách tạp chí, chất lượng nội dung, vị thế tạp chí, tính đều đặn và khả năng tiếp cận trực tuyến [5]. Web of Science hiện sử dụng hệ thống tiêu chí tập trung trước hết vào chất lượng biên tập và thực hành xuất bản, sau đó mới đánh giá mức độ tác động để lựa chọn vào các bộ chỉ mục có tính chọn lọc cao hơn [6].

Tại Việt Nam, hệ thống tạp chí khoa học đã có những bước phát triển đáng kể về số lượng, hình thức xuất bản và mức độ số hóa. Tuy nhiên, các nghiên cứu và trao đổi trong nước vẫn chỉ ra nhiều vấn đề cần tiếp tục cải thiện, bao gồm chất lượng nguồn bài, quy trình phản biện, mức độ quốc tế hóa, khả năng truy xuất và trích dẫn cũng như tính chuyên nghiệp trong quản trị xuất bản [7, 8]. Vì vậy, quá trình hướng tới Scopus hay WoS đối với các tạp chí Việt Nam cần được đặt trong một chiến lược nâng cao chất lượng tổng thể và dài hạn, thay vì chỉ tập trung hoàn thiện từng tiêu chí kỹ thuật.

Tạp chí Nghiên cứu Y học là tạp chí khoa học của Trường Đại học Y Hà Nội, công bố các nghiên cứu và bài tổng quan thuộc các lĩnh vực y học cơ sở, y học lâm sàng, y học dự phòng, y tế công cộng và y xã hội học [9]. Trong quá trình phát triển, Tạp chí đã từng bước chuyển đổi hoạt động xuất bản theo hướng điện tử, xây dựng hệ thống nộp bài trực tuyến, kho lưu trữ số báo và cấp Mã định danh số quốc tế (Digital Object Identifier - DOI) cho các

bài báo. Thể lệ hiện hành công khai quy trình phản biện kín bởi hai chuyên gia, các yêu cầu về tư cách tác giả, xung đột lợi ích, kiểm tra trùng lặp và thời gian xử lý bản thảo [10]. Kho lưu trữ cho thấy Tạp chí duy trì các số hoàn toàn bằng tiếng Anh trong những năm gần đây, tạo tiền đề cho mở rộng phạm vi tiếp cận [11].

Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển Trường Đại học Y Hà Nội theo định hướng đại học nghiên cứu và hội nhập quốc tế, việc giữ vững vị thế trong nước là cần thiết nhưng chưa đủ. Dữ liệu hoạt động do Tạp chí cung cấp cho thấy tỷ lệ từ chối bản thảo trung bình hằng năm khoảng 15–20%, thời gian phản biện phổ biến từ hai tuần đến một tháng và khoảng 25% tác giả đến từ các đơn vị ngoài Trường Đại học Y Hà Nội. Mức độ quốc tế hóa nguồn tác giả còn thấp và chưa hình thành ổn định. Những đặc điểm này đặt ra câu hỏi về khoảng cách giữa một tạp chí y học có nền tảng xuất bản ổn định trong nước với một tạp chí có khả năng cạnh tranh trong hệ thống xuất bản quốc tế.

Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng và mức độ sẵn sàng của Tạp chí Nghiên cứu Y học trên các phương diện chất lượng học thuật, biên tập – phản biện và liên chính khoa học, quốc tế hóa, quản trị xuất bản số, khả năng tạo ảnh hưởng và bản sắc học thuật; đối sánh với các yêu cầu của Web of Science và Scopus; từ đó xác định các khoảng cách ưu tiên và đề xuất định hướng phát triển phù hợp nhằm nâng cao chất lượng và khả năng hội nhập quốc tế của Tạp chí.

2. Tổng quan nghiên cứu và cơ sở khoa học

Khả năng được lập chỉ mục quốc tế của một tạp chí là kết quả tổng hợp của nhiều yếu tố. Các hệ thống lựa chọn tạp chí không chỉ xem xét hình thức xuất bản mà còn đánh giá mức độ đóng góp học thuật, tính nhất quán của phạm vi chuyên môn, chất lượng của quy trình biên tập – phản biện, sự đa dạng của cộng đồng tác giả và biên tập viên, tính minh bạch của chính sách xuất bản và mức độ ảnh hưởng thông qua trích dẫn [5, 6]. Do vậy, một tạp chí đã có ISSN, DOI, website và quy trình nộp bài trực tuyến vẫn cần chứng minh chất lượng thực

chất của nội dung, uy tín học thuật và khả năng được cộng đồng khoa học sử dụng.

Trong lĩnh vực xuất bản y sinh, chuẩn mực đạo đức và liêm chính khoa học là cấu phần đặc biệt quan trọng. ICMJE và Committee on Publication Ethics (COPE) nhấn mạnh trách nhiệm tác giả, minh bạch xung đột lợi ích, quản lý sai phạm, tính toàn vẹn của dữ liệu và trách nhiệm của ban biên tập trong bảo đảm chất lượng khoa học [4, 12]. Điều này có ý nghĩa trực tiếp đối với các tạp chí y học trong nước khi chuyển từ mô hình chủ yếu phục vụ nhu cầu công bố sang mô hình cạnh tranh quốc tế.

Mặt khác, chuyển đổi số đã làm thay đổi bản chất của quản trị xuất bản. Metadata đầy đủ giúp bài báo được nhận diện, liên kết và thu thập tự động tốt hơn; Crossref khuyến nghị cung cấp các trường dữ liệu giàu thông tin về tác giả, cơ quan công tác, tóm tắt, tài trợ, giấy phép và quan hệ giữa các công trình [13]. ORCID cung cấp mã định danh bền vững cho tác giả và có thể tích hợp vào quy

trình nộp bài, giúp giảm nhầm lẫn tên tác giả và tăng khả năng liên kết với hồ sơ khoa học [14]. Hệ thống Open Journal Systems (OJS) cho phép quản lý toàn bộ chu trình từ tiếp nhận, phản biện, biên tập đến xuất bản và cung cấp nguồn dữ liệu quan trọng cho quản trị dựa trên chỉ số [15].

2.1. Khung phân tích mức độ sẵn sàng

Trên cơ sở các tiêu chí chính thức của Scopus, Web of Science và đặc thù của xuất bản y sinh, nghiên cứu xây dựng khung đánh giá gồm sáu lĩnh vực: (1) chất lượng học thuật; (2) biên tập, phản biện và liêm chính khoa học; (3) quốc tế hóa; (4) quản trị và xuất bản số; (5) khả năng phát hiện và ảnh hưởng khoa học; và (6) bản sắc học thuật và tính bền vững. Cách tiếp cận này không nhằm tạo một “điểm Scopus/WoS” mang tính cơ học mà giúp xác định những nền tảng đã có, những nội dung cần hoàn thiện và những khoảng cách chiến lược cần ưu tiên.

3. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

3.1. Thiết kế, đối tượng và nguồn dữ liệu

Bảng 1. Các nhóm tiêu chí sử dụng trong khung đối sánh

Nhóm tiêu chí	Nội dung đánh giá chính
Chất lượng học thuật	Tính mới, giá trị khoa học, thiết kế nghiên cứu, tính khái quát và cơ cấu loại hình bài.
Biên tập, phản biện và liêm chính	Quy trình phản biện, tính độc lập, đạo đức nghiên cứu, COI, kiểm soát trùng lặp.
Quốc tế hóa	Nguồn tác giả, hợp tác quốc tế, biên tập viên và phản biện quốc tế, ngôn ngữ xuất bản.
Quản trị và xuất bản số	OJS, DOI, ORCID, metadata, khả năng liên thông và quản trị quy trình.
Khả năng phát hiện và ảnh hưởng	Truy xuất, lập chỉ mục, trích dẫn, mức độ tiếp cận và sử dụng.
Bản sắc và tính bền vững	Phạm vi học thuật, chuyên mục, lĩnh vực ưu tiên và chiến lược phát triển.

Ghi chú: Khung phân tích được xây dựng để đánh giá mức độ sẵn sàng và khoảng cách phát triển, không phải thang điểm chính thức của Scopus hoặc Web of Science.

Nghiên cứu được thực hiện theo thiết kế nghiên cứu trường hợp mô tả – phân tích (descriptive analytical case study), kết hợp phân tích tài liệu, đánh giá hoạt động xuất bản (editorial audit) và đối sánh chuẩn (benchmarking). Tạp chí Nghiên cứu Y học – Trường Đại học Y Hà Nội được

lựa chọn làm trường hợp nghiên cứu. Phân tích tập trung chủ yếu vào mô hình hoạt động hiện tại và dữ liệu xuất bản giai đoạn 2024 đến tháng 8/2026, kết hợp một số chỉ số quản trị tổng hợp do Tạp chí cung cấp.

Ba nhóm dữ liệu được sử dụng. Nhóm thứ

nhất là dữ liệu quản trị tổng hợp gồm tỷ lệ từ chối bản thảo trung bình hằng năm, thời gian phản biện và tỷ lệ tác giả ngoài Trường Đại học Y Hà Nội. Nhóm thứ hai là dữ liệu công khai trên website của Tạp chí gồm phạm vi hoạt động, kho số báo, quy trình nộp và xét duyệt bản thảo, chính sách xung đột lợi ích, kiểm tra trùng lặp, thành phần Ban biên tập và thông tin xuất bản điện tử [9–11]. Nhóm thứ ba là các tiêu chí và hướng dẫn chính thức của Scopus, Web of Science, ICMJE, Crossref, ORCID, OJS và COPE được sử dụng làm chuẩn tham chiếu [4–6], [12–15].

3.2. Phương pháp phân tích

Các thông tin được mã hóa theo sáu nhóm tiêu chí và đối chiếu giữa thực trạng của Tạp chí với chuẩn tham chiếu. Mức độ sẵn sàng được phân loại thành ba mức: đã có nền tảng tương đối tốt; đã triển khai nhưng cần tiếp tục hoàn thiện; và còn khoảng cách đáng kể. Những nội dung chưa

có đủ dữ liệu không mặc nhiên được coi là chưa đáp ứng mà được xác định là chưa đủ thông tin để đánh giá. Các chỉ số định lượng được trình bày bằng số lượng, tỷ lệ phần trăm hoặc khoảng giá trị. Phân tích nội dung định tính được thực hiện bằng cách đối chiếu đặc điểm hiện tại với yêu cầu hoặc thông lệ tham chiếu tương ứng. Kết quả cuối cùng được tổng hợp thành ma trận phân tích khoảng cách gồm thực trạng, mức độ sẵn sàng, khoảng cách chủ yếu và ưu tiên cải thiện.

3.3. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu không can thiệp trên người hoặc động vật và không thu thập thông tin định danh cá nhân. Các số liệu quản trị được sử dụng ở dạng tổng hợp; các thông tin còn lại là dữ liệu công khai liên quan đến hoạt động xuất bản của Tạp chí.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Đặc điểm hoạt động xuất bản và mức độ sẵn sàng

Bảng 2. Một số chỉ số hoạt động hiện tại của Tạp chí Nghiên cứu Y học

Chỉ số	Thực trạng
Tần suất xuất bản	12 số/năm
Số hoàn toàn bằng tiếng Anh	2/12 số/năm trong 2024–2025
Tỷ lệ từ chối bản thảo	Khoảng 15–20%
Thời gian phản biện	Khoảng 2 tuần–1 tháng
Số phản biện/bản thảo	2 chuyên gia
Tác giả ngoài HMU	Khoảng 25%
Tác giả/hợp tác quốc tế	Có trường hợp đơn lẻ, chưa ổn định
Nộp bài trực tuyến, DOI, toàn văn điện tử	Có
Kiểm tra trùng lặp	Có

Ghi chú: HMU - Đại học Y Hà Nội.

Tạp chí Nghiên cứu y học hiện duy trì 12 số mỗi năm. Trong các năm hoàn chỉnh 2024 và 2025, có 2/12 số được xuất bản hoàn toàn bằng tiếng Anh, tương ứng khoảng 16,7% số xuất bản hằng năm; năm 2026 đến thời điểm nghiên cứu đã tiếp tục có số tiếng Anh được công bố [11]. Theo dữ liệu quản trị do Tạp chí cung cấp, tỷ lệ từ chối bản thảo trung bình hằng năm khoảng 15–20%, thời gian phản biện phổ biến từ hai tuần đến một tháng và khoảng 25% tác giả thuộc các đơn vị ngoài Đại

học Y Hà Nội.

Tạp chí đã triển khai nộp bài trực tuyến, tổ chức phản biện kín bởi hai chuyên gia và công khai các yêu cầu liên quan đến tư cách tác giả, xung đột lợi ích, kiểm tra trùng lặp và trách nhiệm về liêm chính khoa học [10]. DOI và khả năng truy cập toàn văn điện tử tạo nền tảng thuận lợi cho khả năng phát hiện và liên kết dữ liệu. Những yếu tố này cho thấy Tạp chí đã hình thành tương đối đầy đủ các cấu phần cơ bản của một tạp chí khoa học điện tử

vận hành ổn định.

4.2. Biên tập, phản biện và liên chính khoa học

Quy trình phản biện và các yêu cầu đối với tác giả là một trong những nhóm nội dung được công khai tương đối rõ. Việc áp dụng phản biện kín bởi hai chuyên gia, yêu cầu công khai xung đột lợi ích và sử dụng công cụ kiểm tra trùng lặp là những nền tảng phù hợp với định hướng chung của ICMJE và COPE về minh bạch và liên chính khoa học [4, 12]. Thời gian phản biện từ hai tuần đến một tháng cũng cho thấy khả năng xử lý bản thảo tương đối nhanh.

Tuy nhiên, tốc độ phản biện không đồng nghĩa với chất lượng phản biện. Dữ liệu hiện có chưa cho phép đánh giá đầy đủ tỷ lệ phản biện ngoài cơ sở chủ quản, tỷ lệ phản biện quốc tế, tỷ lệ hoàn thành đúng hạn, số vòng sửa, tỷ lệ desk rejection hay mức độ bất đồng giữa các phản biện. Do đó, trong giai đoạn tiếp theo, Tạp chí cần xây dựng hệ thống chỉ số phản ánh đồng thời tốc độ, tính độc lập và chất lượng của peer review. OJS có khả năng hỗ trợ theo dõi toàn bộ workflow này, tạo điều kiện chuyển dần từ quản lý theo kinh nghiệm sang quản trị dựa trên dữ liệu [15].

4.3. Quốc tế hóa và chất lượng nguồn bài

Khoảng 25% tác giả ngoài Đại học Y Hà Nội là một tín hiệu tích cực, cho thấy Tạp chí đã vượt ra khỏi phạm vi một kênh công bố nội bộ. Tuy nhiên, đa dạng giữa các cơ sở trong nước chưa tương đương với đa dạng địa lý quốc tế. Dữ liệu công khai cho thấy đã xuất hiện một số trường hợp có hợp tác hoặc đồng tác giả thuộc cơ sở nước ngoài, nhưng chưa hình thành nguồn bản thảo quốc tế ổn định. Đây là khoảng cách đáng lưu ý bởi Scopus xem xét phân bố địa lý của tác giả và biên tập viên trong chính sách tạp chí, trong khi Web of Science đánh giá sự phù hợp giữa phạm vi, nội dung, cộng đồng tác giả và năng lực biên tập [5, 6].

Tỷ lệ từ chối 15–20% cũng cần được diễn giải thận trọng. Scopus và Web of Science không quy định một tỷ lệ từ chối tối thiểu hay lý tưởng. Vì vậy, tăng tỷ lệ từ chối một cách cơ học không nên trở thành mục tiêu. Ý nghĩa của chỉ số này phụ

thuộc vào số lượng và chất lượng nguồn bản thảo đầu vào. Chiến lược phù hợp hơn là chuyển từ tư duy chủ yếu “tiếp nhận bài gửi đến” sang chủ động thu hút các nghiên cứu có tính mới, thiết kế mạnh, quy mô đủ lớn, nghiên cứu đa trung tâm và các bài tổng quan chất lượng cao. Khi nguồn bài tốt tăng lên, tính chọn lọc sẽ được cải thiện như một hệ quả tự nhiên.

Việc hiện có hai số hoàn toàn bằng tiếng Anh mỗi năm tạo nền tảng thuận lợi nhưng cũng không nên tăng số lượng một cách cơ học. Tiếng Anh cải thiện khả năng tiếp cận nhưng không tự động tạo ra ảnh hưởng khoa học. Việc tăng dần số tiếng Anh chỉ nên được thực hiện khi đồng thời bảo đảm nguồn bản thảo đủ tốt, đội ngũ biên tập ngôn ngữ có năng lực và mạng lưới phản biện phù hợp. Một hướng khả thi là phát triển các số chuyên đề tiếng Anh gắn với mạng lưới hợp tác quốc tế của Trường Đại học Y Hà Nội, có guest editor trong và ngoài nước, ưu tiên nghiên cứu đa trung tâm, nghiên cứu hợp tác quốc tế, cohort, thử nghiệm lâm sàng, systematic review và meta-analysis.

4.4. Quản trị xuất bản số và khả năng tạo ảnh hưởng

Tạp chí đã có những cấu phần quan trọng của xuất bản điện tử gồm nộp bài trực tuyến, kho lưu trữ, DOI và toàn văn. Tuy nhiên, xuất bản số hiện đại không chỉ dừng lại ở PDF và DOI. Metadata đầy đủ về tác giả, cơ quan công tác, tóm tắt, tài trợ, giấy phép và quan hệ giữa các công trình giúp tăng khả năng phát hiện và liên kết bài báo [13]. ORCID hỗ trợ định danh chính xác tác giả và liên kết công trình với hồ sơ nghiên cứu, đặc biệt hữu ích trong bối cảnh tên tác giả có thể được trình bày khác nhau giữa các ngôn ngữ và cơ sở dữ liệu [14]. Do đó, Tạp chí nên tiến tới yêu cầu ORCID đối với tác giả liên hệ, khuyến khích tất cả đồng tác giả và chuẩn hóa metadata theo hướng máy có thể đọc.

Khoảng cách quan trọng nhưng hiện chưa được định lượng đầy đủ là ảnh hưởng khoa học thông qua trích dẫn. Scopus xem xét citedness và đóng góp học thuật của tạp chí; Web of Science phân biệt các tiêu chí chất lượng với tiêu chí tác

động [5, 6]. Vì vậy, Tạp chí cần xây dựng hệ thống theo dõi hằng năm về số bài được trích dẫn, trích dẫn trung bình/bài, tỷ lệ bài không được trích dẫn, nguồn trích dẫn trong và ngoài Việt Nam, số lượt tải và nhóm bài có ảnh hưởng cao. Khi các dữ liệu này được theo dõi theo thời gian, Ban biên tập mới có thể đánh giá tiến bộ và lựa chọn thời điểm phù hợp để đăng ký các hệ thống chỉ mục quốc tế.

4.5. Ma trận khoảng cách và ưu tiên phát triển

Kết quả đối sánh cho thấy các cấu phần về tính đều đặn, phản biện, DOI và hiện diện trực tuyến đã có nền tảng tương đối tốt; trong khi quốc tế hóa nguồn tác giả, ảnh hưởng trích dẫn, chuẩn hóa metadata và định vị bản sắc học thuật là các nhóm cần ưu tiên hơn. Tóm tắt các đánh giá này được trình bày trong Bảng 3.

Từ các khoảng cách trên, một số chỉ số quản trị trung hạn có thể được sử dụng để theo dõi tiến trình. Đây là các mục tiêu đề xuất phục vụ quản trị

nội bộ, không phải ngưỡng bắt buộc của Scopus hay Web of Science. Tỷ lệ tác giả ngoài HMU có thể được nâng dần lên từ 40% trở lên; tỷ lệ bài có hợp tác quốc tế hướng tới 10–15%; ORCID của tác giả liên hệ tiến tới 100%; reviewer quốc tế có thể đạt 15–20% khi hình thành đủ mạng lưới; và hệ thống theo dõi trích dẫn cần trở thành dashboard thường quy. Số tiếng Anh có thể tăng theo lộ trình khi nguồn bài và năng lực phản biện cho phép. Nhìn tổng thể, việc hướng tới Web of Science và Scopus không nên được tổ chức như một dự án hoàn thiện checklist. Cách tiếp cận phù hợp hơn là xây dựng một chu trình cải tiến liên tục, trong đó chất lượng khoa học của nội dung được đặt ở vị trí trung tâm; quản trị chuyên nghiệp và chuyển đổi số là công cụ; quốc tế hóa là phương thức mở rộng cộng đồng học thuật; còn khả năng được đọc, sử dụng và trích dẫn là thước đo quan trọng của ảnh hưởng.

Bảng 3. Ma trận đối sánh và khoảng cách ưu tiên

Lĩnh vực	Thực trạng	Định hướng ưu tiên
Tính đều đặn, peer review, DOI	Nền tảng tương đối tốt	Duy trì ổn định; giám sát bằng chỉ số chất lượng.
Quốc tế hóa tác giả/biên tập	Còn hạn chế	Thu hút bài hợp tác quốc tế; mở rộng editor/reviewer quốc tế.
Chất lượng nguồn bài	Nguồn bài ổn định nhưng độ chọn lọc còn dư địa	Ưu tiên nghiên cứu mạnh, đa trung tâm và bài tổng quan chất lượng cao.
Metadata, ORCID, dữ liệu có cấu trúc	Chưa đồng bộ	Chuẩn hóa metadata; tích hợp ORCID và tăng nội dung máy có thể đọc.
Anh hưởng trích dẫn	Chưa có theo dõi hệ thống	Xây dựng dashboard citation và phân tích nguồn trích dẫn.
Bản sắc học thuật	Phạm vi rộng	Xác định các trục ưu tiên và chuyên mục ổn định.

5. Kết luận

Nghiên cứu trường hợp cho thấy Tạp chí Nghiên cứu Y học đã hình thành nhiều nền tảng quan trọng để tiến tới hội nhập hệ thống xuất bản khoa học quốc tế. Hoạt động xuất bản ổn định, duy trì 12 số mỗi năm, phát triển các số hoàn toàn bằng tiếng Anh, vận hành hệ thống nộp bài trực tuyến, tổ chức phản biện kín bởi hai chuyên gia, cấp DOI và triển khai kiểm soát trùng lặp là những điều kiện thuận lợi. Tỷ lệ khoảng 25% tác giả ngoài Đại học

Y Hà Nội cũng cho thấy Tạp chí đã có khả năng thu hút cộng đồng nghiên cứu rộng hơn cơ sở chủ quản.

Tuy nhiên, các kết quả đối sánh cho thấy khoảng cách quan trọng trong giai đoạn tiếp theo không chủ yếu nằm ở các cấu phần kỹ thuật mà nằm ở chiều sâu của chất lượng học thuật và mức độ ảnh hưởng. Quốc tế hóa nguồn tác giả, phản biện và Ban biên tập; khả năng thu hút các nghiên cứu có tính mới, thiết kế mạnh và giá trị bằng

chúng cao; chuẩn hóa metadata và định danh tác giả; khả năng tạo trích dẫn và xây dựng bản sắc học thuật là những lĩnh vực cần được ưu tiên.

Vì vậy, chiến lược phát triển cần chuyển từ bước từ mục tiêu bảo đảm số lượng và tiến độ xuất bản sang quản trị chất lượng và ảnh hưởng khoa học. Web of Science và Scopus nên được xem là kết quả của quá trình cải tiến liên tục, không phải một danh mục tiêu chí cần hoàn thành bằng mọi giá. Với nền tảng của Trường Đại học Y Hà Nội, đội ngũ chuyên gia và mạng lưới nghiên cứu – hợp tác ngày càng phát triển, một lộ trình có mục tiêu và chỉ số cụ thể sẽ giúp Tạp chí không chỉ nâng mức độ sẵn sàng đối với các hệ thống chỉ mục quốc tế mà còn xây dựng được một diễn đàn y sinh có chất lượng, bản sắc và khả năng tạo ảnh hưởng trong khu vực.

Nghiên cứu còn có một số hạn chế. Một số chỉ số quản trị như tỷ lệ desk rejection, cơ cấu reviewer ngoài HMT và quốc tế, tỷ lệ ORCID, cơ cấu thiết kế nghiên cứu và dữ liệu trích dẫn chưa được thu thập đầy đủ ở cấp bài báo; vì vậy, một số kết luận mới dừng ở mức đánh giá khoảng cách định tính. Việc bổ sung bộ dữ liệu editorial audit đầy đủ theo năm sẽ giúp lượng hóa tốt hơn xu hướng cải tiến và tăng độ tin cậy của các đánh giá tiếp theo.

Nguồn tài trợ

Nghiên cứu này không nhận được tài trợ cụ thể từ bất kỳ cơ quan nào thuộc khu vực công, thương mại hoặc phi lợi nhuận.

Đóng góp của tác giả

Trần Huy Thịnh, Phan Thị Thu Hương, Nguyễn Hữu Tú và Kim Bảo Giang hình thành ý tưởng, xây dựng phương pháp, phân tích dữ liệu và viết bản thảo ban đầu. Trần Huy Thịnh, Nguyễn Thanh Bình, Hoàng Yến và Nguyễn Khắc Hường: thu thập và kiểm chứng dữ liệu, rà soát phương pháp, chuẩn bị nội dung. Tất cả tác giả đã đọc và chấp thuận bản thảo cuối cùng.

Tuyên bố xung đột lợi ích

Các tác giả tuyên bố không có xung đột lợi ích liên quan đến nghiên cứu, quyền tác giả và/hoặc việc công bố bài báo này.

Tuyên bố về dữ liệu

Các dữ liệu công khai sử dụng trong nghiên cứu được khai thác từ trang thông tin điện tử và kho lưu trữ trực tuyến của Tạp chí Nghiên cứu Y học. Các dữ liệu quản trị tổng hợp được sử dụng để phân tích các chỉ số hoạt động của Tạp chí không chứa thông tin định danh cá nhân và có thể được cung cấp bởi tác giả liên hệ khi có yêu cầu hợp lý.

Tuyên bố về việc sử dụng AI tạo sinh

Trong quá trình chuẩn bị bản thảo, các tác giả đã sử dụng ChatGPT (OpenAI, GPT-5.6 Sol; truy cập tháng 8/2026) để hỗ trợ xây dựng cấu trúc bài viết, gợi ý cách trình bày phương pháp nghiên cứu, rà soát tính logic và hỗ trợ biên tập ngôn ngữ. Công cụ AI không được sử dụng để tạo hoặc thay đổi dữ liệu nghiên cứu, quyết định kết quả nghiên cứu hoặc thay thế đánh giá khoa học của các tác giả. Sau khi sử dụng công cụ, các tác giả đã kiểm tra, chỉnh sửa và xác minh nội dung, dữ liệu, tài liệu tham khảo và các kết luận, đồng thời chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bản thảo cuối cùng.

Tài liệu tham khảo

- [1] A.J. Meadows. (1998). *Communicating Research. Academic Press, San Diego, USA.* (accessed 11 August 2026).
- [2] C.A. Mack. (2015). 350 years of scientific journals. *Journal of Micro/Nanolithography, MEMS, and 350 years of scientific journals. Journal of Micro/Nanolithography, MEMS, and MOEMS*, 14(1), 010101. <https://doi.org/10.1117/1.JMM.14.1.010101>
- [3] J.F. Burnham. (2006). Scopus database: a review. *Biomedical Digital Libraries*, 3(1). <https://doi.org/10.1186/1742-5581-3-1>
- [4] International Committee of Medical Journal Editors. (2026). *Recommendations for the Conduct, Reporting, Editing, and Publication of Scholarly Work in Medical Journals.* <https://www.icmje.org/recommendations/> (accessed 11 August 2026).
- [5] Elsevier. (n.d.). *Content Policy and Selection.* <https://www.elsevier.com/products/scopus/content/content-policy-and-selection> (accessed 11

- August 2026).
- [6] Clarivate. (2026). Web of Science Core Collection: Journal Evaluation Process and Selection Criteria. <https://clarivate.com/academia-government/scientific-and-academic-research/research-discovery-and-referencing/web-of-science/web-of-science-core-collection/editorial-selection-process/journal-evaluation-process-selection-criteria/> (accessed 11 August 2026).
- [7] T.V. Nhung, B.M. Nhi, N.D. Huy. (2019). Nâng cao chất lượng tạp chí khoa học của Việt Nam trước yêu cầu hội nhập quốc tế. *Hội đồng Giáo sư Nhà nước*. https://hdgsnn.gov.vn/tin-tuc/nang-cao-chat-luong-tap-chi-khoa-hoc-cua-viet-nam-truoc-yeu-cau-hoi-nhap-quoc-te_295 (accessed 11 August 2026).
- [8] N.V. Thắng and T.M.N. Linh. (2022). Một số giải pháp nâng cao chất lượng tạp chí ở Việt Nam: Kinh nghiệm từ Tạp chí Khoa học – Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. *Tạp chí Khoa học – Trường Đại học Thủ đô Hà Nội*, 65, 46–58. <https://vjol.info.vn/index.php/otn/article/view/76949> (accessed 11 August 2026).
- [9] Tạp chí Nghiên cứu Y học. (n.d.). Về Tạp chí Nghiên cứu Y học. Đại học Y Hà Nội. <https://tapchinghiencuuyhoc.vn/index.php/tcncyh/about> (accessed 11 August 2026).
- [10] Tạp chí Nghiên cứu Y học. Các yêu cầu của một bài báo và quy trình xét duyệt. Đại học Y Hà Nội. <https://tapchinghiencuuyhoc.vn/index.php/tcncyh/about/submissions> (accessed 11 August 2026).
- [11] Tạp chí Nghiên cứu Y học. (2026). Kho lưu trữ các số Tạp chí Nghiên cứu Y học. Đại học Y Hà Nội. <https://tapchinghiencuuyhoc.vn/index.php/tcncyh/issue/archive> (accessed 11 August 2026).
- [12] Committee on Publication Ethics. (2026). COPE Guidance and Core Practices. <https://publicationethics.org/membership/code-of-conduct> (accessed 11 August 2026).
- [13] Crossref. (2021). Metadata Best Practices. <https://www.crossref.org/documentation/principles-practices/best-practices/> (accessed 11 August 2026).
- [14] ORCID. (n.d.). Integrating ORCID into Journal Workflows. <https://info.orcid.org/documentation/workflows/integrating-orcid-into-your-journal-workflow/> (accessed 11 August 2026).
- [15] Public Knowledge Project. (n.d.). Open Journal Systems. <https://pkp.sfu.ca/software/ojs/> (accessed 11 August 2026).